

Một số vấn đề lồng ghép giới trong xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người

Lê Ngọc Hùng

Viện Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Lời Tòa soạn: Việc lồng ghép giới trong văn bản pháp luật đã được quy định trong Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 (Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2009). Tòa soạn xin trân trọng giới thiệu bài viết dưới đây với những phân tích về vấn đề lồng ghép giới trong pháp luật phòng, chống mua bán người và một số phương hướng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người đang được tích cực hoàn thiện để thông qua tại Quốc hội trong thời gian tới. Tác giả cho rằng trong điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay, tập trung hướng vào phòng, chống mua bán phụ nữ và mua bán trẻ em gái chính là yêu cầu và nội dung cơ bản của việc lồng ghép giới trong xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người đang thu hút sự quan tâm, chú ý của dư luận xã hội trong nước và quốc tế.

Từ khóa: Lồng ghép giới; Luật Phòng, chống mua bán người; Mua bán phụ nữ và trẻ em.

1. Thực trạng lồng ghép vấn đề giới trong xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người

Việc “lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” không còn là mong muốn chủ quan của cá nhân hay

nhóm người nào mà đã được thể chế hoá thành “nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới” trong Luật Bình đẳng giới (2006), điều 6 khoản 5. Các Điều 20, 21 và Điều 22 của luật này còn quy định rõ các cách thức đảm bảo lồng ghép vấn đề giới trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật (Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2009). Do vậy, cần phải thường xuyên nghiên cứu, đánh giá thực trạng giới, phát hiện vấn đề giới và đề xuất các phương hướng, giải pháp vấn đề giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong phạm vi điều chỉnh của các (dự thảo) luật, nhất là trong giai đoạn soạn thảo, chuẩn bị thông qua luật. Với tinh thần như vậy, bài viết này có mục đích phân tích vấn đề lồng ghép giới trong pháp luật phòng, chống mua bán người và gợi ra một số phương hướng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người đang được tích cực hoàn thiện để thông qua tại Quốc hội trong thời gian tới.

Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người (văn bản cuối tháng 8 năm 2010) gồm 7 chương với 52 điều đang được tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện để trình Quốc hội thông qua trong thời gian tới. Do vậy việc tìm hiểu, phát hiện, phân tích những vấn đề giới trong phạm vi điều chỉnh của luật là quan trọng và cần thiết để góp phần lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo luật đang được xã hội rất quan tâm này. Luật có Điều 2 “Giải thích từ ngữ” gồm 10 từ ngữ, nhưng không giải thích từ ngữ “mua bán người” và lời giải thích “nạn nhân là người bị mua bán” rất sơ sài, không rõ ràng. Đặc biệt Điều 2 không có một lời giải thích nào liên quan tới vấn đề giới, phụ nữ và trẻ em, trong khi đại đa số các cuộc mua bán người bị phát hiện, xử lý cho đến nay ở Việt Nam là “mua bán phụ nữ” và “mua bán trẻ em”. Do vậy, có thể nói đây là Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người nói chung, “trừu tượng”, thiếu vấn đề bình đẳng giới, không thực tế và do vậy sẽ khó đi vào cuộc sống. Trong khi đó, về nguyên tắc, luật phải nhằm điều chỉnh những gì phổ biến, thường xuyên xảy ra chứ không phải nhằm điều chỉnh những cái chung chung, trừu tượng, phi thực tế, hoặc từng trường hợp cá biệt.

Phân tích cách sử dụng những từ ngữ đặc trưng cho lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản pháp luật, ví dụ như thuật ngữ “giới”, “giới tính”, “bình đẳng giới”, “bất bình đẳng giới”, “phụ nữ”, có thể nhận thấy Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người rất ít khi sử dụng những thuật ngữ như vậy. Cụ thể, Dự thảo chỉ một lần nhắc đến “bất bình đẳng giới”

trong Điều 3 “Nguyên tắc phòng, chống mua bán người”.

Như vậy Luật này mới chỉ coi “bất bình đẳng giới” là đối tượng phải phòng, chống, chứ không coi “bình đẳng giới” là nguyên tắc phòng, chống, do đó Luật cần bổ sung “bình đẳng giới” thành một trong các nguyên tắc cơ bản của phòng, chống mua bán người.

Khái niệm “đối tượng là phụ nữ” chỉ được xác định một lần trong Điều 7 “Thông tin, giáo dục truyền thông về phòng chống mua bán người”. Nhưng các hoạt động phòng chống khác không xác định rõ đối tượng nào.

Các đặc điểm “giới tính” được nhắc đến hai lần trong Điều 25 và Điều 36 khi nói về việc hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu đối với nạn nhân.

“Phụ nữ” được nhắc lần thứ hai trong Điều 30 khi quy định rằng nạn nhân được xem xét tạo điều kiện vay vốn từ “Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo”. Thực ra, Luật này có thể phải quy định rõ là nạn nhân phụ nữ được xem xét tạo điều kiện vay vốn từ “Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo”.

Từ thực trạng sử dụng các thuật ngữ về giới như nêu trên, có thể nhận xét rằng việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người là chưa đầy đủ, thậm chí là rất sơ sài, nghèo nàn. Nói cách khác, Luật này chưa thể hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bình đẳng giới đang hiện hành ở Việt Nam.

Nếu căn cứ vào thực trạng diễn biến các vụ mua bán người mà chủ yếu là mua bán phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam trong thời gian qua thì có thể nói rằng Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán

Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống mua bán người

3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong đấu tranh phòng, chống mua bán người. Kết hợp chặt chẽ phòng, chống mua bán người với việc thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, phòng, chống bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới, phòng, chống mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 7. Thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống mua bán người

5. Chú trọng công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống mua bán người đối với đối tượng là phụ nữ, thanh thiếu niên, nhi đồng, học sinh, sinh viên và những người cư trú tại khu vực biên giới, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

người chưa phản ánh và do vậy khó có thể đáp ứng được các yêu cầu thực tế của phòng chống mua bán người ở Việt Nam hiện nay. Cần nói ngay rằng, mặc dù gần đây đã phát hiện thấy các vụ mua bán nam giới, nhưng trong thời gian tới, mô hình mua bán người ở Việt Nam có lẽ vẫn chủ yếu là mua bán phụ nữ và trẻ em. Do vậy, Luật Phòng, chống mua bán người phải có những quy định tập trung vào phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em chứ không phải quy định chung chung là mua bán người. Có thể

phải xem xét một số bằng chứng nêu trong chính Tờ trình Chính phủ do

Điều 30. Trợ cấp khó khăn ban đầu và hỗ trợ vay vốn

2. Nạn nhân có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh thì được xem xét, tạo điều kiện vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo và các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu

Trong trường hợp cần thiết, nạn nhân, người cần được xác minh là nạn nhân được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về ăn, mặc và các vật dụng cá nhân cần thiết khác trên cơ sở cân nhắc đến các đặc điểm về lứa tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe. Nếu họ có nguyện vọng trở về địa phương thì được hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Tiếp nhận và cung cấp nơi lưu trú cho nạn nhân, người cần được xác minh là nạn nhân.
2. Thực hiện chế độ hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu, chăm sóc y tế và hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân sau khi tiếp nhận phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nguyện vọng của họ và khả năng đáp ứng của cơ sở.

Bộ Tư pháp chuẩn bị để thấy rõ hơn sự cần thiết phải lồng ghép giới và phải có những quy định tập trung phòng chống mua bán phụ nữ.

2. Vấn đề giới trong phạm vi điều chỉnh của Luật Phòng, chống mua bán người và yêu cầu đặt ra đối với việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

Tình hình mua bán phụ nữ và trẻ em trong 5 năm qua

Vấn đề giới trong phạm vi điều chỉnh của Luật Phòng, chống mua bán người là vấn đề mua bán phụ nữ và trẻ em gái. Do vậy cần phân tích tình hình mua bán phụ nữ và trẻ em để phát hiện và phân tích vấn đề giới cần được điều chỉnh bởi Luật này. Theo Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật

**Bảng 1. Số lượng và tỉ lệ các vụ mua bán người
với đối tượng và nạn nhân, năm 2004 -2009**

	Các vụ mua bán		Đối tượng mua bán		Nạn nhân mua bán	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Mua bán phụ nữ	1218	76,8	2310	80,0	3019	75,3
Mua bán trẻ em	191	12,0	268	9,3	310	12,3
Mua bán cả phụ nữ và trẻ em	177	11,2	30	10,7	498	12,4
Tổng cộng	1586	100	2888	100	4008	100

Nguồn: Tác giả tính toán theo số liệu trong Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật Phòng, chống mua bán người do Bộ Tư Pháp chuẩn bị tháng 7/2010

Phòng, chống mua bán người do Bộ Tư Pháp chuẩn bị tháng 7/2010 (Bộ Tư pháp, 2010), trong 5 năm thực hiện Chương trình 130/CP cả nước đã xảy ra 1586 vụ mua bán người với 2888 đối tượng và 4008 nạn nhân. Trong đó, các vụ mua bán phụ nữ chiếm gần 77% với số lượng đối tượng chiếm 80% tổng số các đối tượng tham gia mua bán và hơn 75% nạn nhân là phụ nữ. Số vụ mua bán trẻ em xảy ra ít hơn (chiếm 12%) với số đối tượng ít hơn (chiếm hơn 9%) và số nạn nhân cũng ít hơn (hơn 12%) (Bảng 1).

Các số liệu ở bảng 1 cho thấy trung bình cứ 10 vụ mua bán người có 18 đối tượng tham gia và 25 người là nạn nhân. Cứ 10 vụ mua bán phụ nữ có 19 đối tượng và 25 nạn nhân. Nhưng 10 vụ mua bán trẻ em có 14 đối tượng và 16 nạn nhân trẻ em.

Vài nét về tình hình phát hiện và xử lý các vụ mua bán phụ nữ và trẻ em

Trong các vụ mua bán người nêu trên, lực lượng công an và lực lượng biên phòng khám phá được 1292 vụ (chiếm hơn 81% tổng số vụ mua bán người) với 2257 đối tượng (chiếm hơn 78% tổng số đối tượng). Theo Bộ Tư pháp, số vụ mua bán người với các đối tượng bị các lực lượng công an và biên phòng khám phá như vậy mới chỉ chiếm khoảng 10-15% tổng số các vụ mua bán người trên thực tế.

Bảng 2. Số vụ mua bán với số các đối tượng bị khám phá trong 5 năm (2004-2009)

	Vụ mua bán		Đối tượng mua bán	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Công an khám phá	933	72,2	1688	74,8
Biên phòng khám phá	359	27,8	569	25,2
Tổng cộng	1292	100,0	2257	100,0

Nguồn: Tác giả tính toán theo số liệu trong Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật Phòng chống mua bán người do Bộ Tư pháp chuẩn bị tháng 7/2010

Số liệu ở bảng 2 cho thấy trong tổng số 1292 vụ mua bán phụ nữ và trẻ em bị các lực lượng công an và biên phòng khám phá trong vòng 5 năm (2004-2009), hơn một phần tư số vụ do lực lượng biên phòng khám phá. Điều này có nghĩa là các vụ mua bán người có “yếu tố nước ngoài” và do vậy rất phức tạp trong phát hiện, xử lý các đối tượng và hỗ trợ nạn nhân.

Bộ Tư pháp cũng cho biết trong 5 năm thực hiện Chương trình 130/CP các Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp mới truy tố được tổng cộng 742 vụ mua bán phụ nữ và trẻ em với 1504 đối tượng, trong đó số vụ mua bán phụ nữ chiếm khoảng ba phần tư (75,9%) với số đối tượng mua bán phụ nữ cũng chiếm gần ba phần tư (74%) trong tổng số các đối tượng (bảng 3).

Như vậy, nếu so sánh với số vụ mua bán và số đối tượng mua bán đã bị các lực lượng công an và biên phòng khám phá, thì Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp mới truy tố được hơn 57% số vụ mua bán phụ nữ và trẻ em với hơn 66% số các đối tượng mua bán.

Nếu so với tổng số 1218 vụ mua bán phụ nữ (trong bảng 1) thì Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp mới chỉ truy tố được 46% số vụ mua bán phụ nữ trong giai đoạn 5 năm thực hiện Chương trình 130/CP.

Những số liệu mà Bộ Tư pháp nêu trong Tờ trình cho thấy một thực tế là khi nói đến mua bán người thì chính Bộ Tư Pháp chỉ nói đến mua bán phụ nữ và trẻ em trong đó mua bán phụ nữ chiếm gần ba phần tư số vụ

Bảng 3. Số vụ và số đối tượng đã bị Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp truy tố

	Các vụ mua bán		Đối tượng mua bán	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Mua bán phụ nữ	563	75,9	1116	74
Mua bán trẻ em	179	24,1	388	26
Tổng cộng	742	100	1504	100

Nguồn: Tác giả tính toán theo số liệu trong Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật Phòng chống mua bán người do Bộ Tư Pháp chuẩn bị tháng 7/2010

mua bán, số đối tượng mua bán và số nạn nhân mua bán. Các lực lượng công an và biên phòng mới chỉ khám phá được một phần nhỏ, khoảng 10-15% số các vụ mua bán người mà thực tế là mua bán phụ nữ và trẻ em. Đồng thời Viện Kiểm sát Nhân dân các cấp cũng chỉ truy tố được gần một nửa số vụ mua bán phụ nữ trong số những vụ mua bán mà Bộ Tư pháp đã nêu ra. Rõ ràng là Luật Phòng, chống mua bán người phải lồng ghép vấn đề giới bằng cách phải có những quy định trực tiếp về phòng, chống mua bán phụ nữ. Đây là một yêu cầu cấp bách xuất phát từ chính thực tế diễn biến phức tạp các vụ mua bán người mà chủ yếu là mua bán phụ nữ và trẻ em trong thời gian qua và trong thời gian tới ở Việt Nam. Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn như vậy để xem xét Dự thảo Luật thì có thể thấy rõ là Dự thảo chưa lồng ghép được vấn đề giới. Nếu xét kỹ hơn sẽ thấy là Dự thảo chưa xây dựng và áp dụng được biện pháp nào gọi là biện pháp cấp bách tạm thời trong phòng, chống mua bán phụ nữ như Luật Bình đẳng giới đã quy định.

3. Khung lý luận của việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người

Khung pháp lý của lồng ghép giới

Trên phương diện pháp lý quốc tế, Việt Nam là một thành viên tham gia CEDAW, do vậy Việt Nam cần phải ban hành pháp luật xoá bỏ mọi hình thức mua bán phụ nữ theo quy định tại Điều 6 của Công ước. Nói

cách khác, pháp luật phòng chống mua bán người cần phải nhằm vào việc xoá bỏ mua bán phụ nữ.

Về cơ sở pháp lý trong nước, việc lồng ghép giới vào Dự thảo luật phải căn cứ vào hệ thống pháp luật Việt Nam cụ thể là các quy định của Luật Bình đẳng giới và các luật liên quan.

Mặc dù Bộ Tư Pháp đã nêu rõ các cơ sở pháp lý của Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người như Hiến pháp, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hình sự, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, nhưng có thể nhận thấy Dự thảo không áp dụng được điều gì đáng kể từ Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Bộ Tư Pháp cũng nêu rõ tên một số văn bản làm cơ sở xây dựng Dự thảo luật như:

Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 7 năm 2004, phê duyệt Chương trình Hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010, sau này gọi tắt là Chương trình 130/CP.

Quyết định số 312/2005/QĐ-TTg ngày 30/11/2005 phê duyệt các đề án thuộc chương trình 130/CP;

Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2002/NĐ-CP (năm 2002) về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài;

Nghị định số 144/2007/NĐ-CP ngày 10/9/2007 quy định xử phạt hành chính trong hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

Thông tư liên tịch số 09/2006/ TTLT-BLĐTBXH-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/8/2006 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội-Bộ

Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

Điều 6: Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả biện pháp pháp luật để loại bỏ mọi hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột phụ nữ làm mại dâm.

Công an-Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao- Toà án Nhân dân Tối cao hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động ở nước ngoài.

Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 về ban hành Quy chế tiếp nhận, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

Nhưng đọc kỹ Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người cũng khó phát hiện được những quy định trong các văn bản trên đã được làm căn cứ như thế nào, nhất là xét từ yêu cầu lồng ghép giới.

Khung lý thuyết hành vi về phòng, chống mua bán phụ nữ

Cùng với cơ sở pháp lý, việc lồng ghép giới cần phải dựa vào khung lý luận phân tích hành vi mua bán người để có thể phát hiện những vấn đề giới cần phải được đề cập trong văn bản pháp luật. Trước hết phải thấy rằng vấn đề giới trong trường hợp mua bán người là vấn đề phụ nữ bởi vì đa số các vụ mua bán người ở Việt Nam hiện nay là mua bán phụ nữ. Hành vi mua, bán phụ nữ là hành vi bạo lực trên cơ sở giới ở đó quyền lực giới bị lạm dụng, thao túng gây thiệt hại tới phụ nữ và trẻ em gái (Lê Ngọc Hùng, 2008). Như vậy nạn nhân chủ yếu của các vụ mua bán người mà pháp luật cần bảo vệ, giúp đỡ, hỗ trợ là nạn nhân phụ nữ. Tùy theo đặc điểm nhân khẩu học và đặc điểm xã hội có thể xác định nạn nhân phụ nữ là trẻ em gái hay là phụ nữ chưa có chồng hoặc phụ nữ đã có chồng, phụ nữ dân tộc thiểu số hay phụ nữ người Kinh.

Vì nạn nhân là phụ nữ nên đối với việc giải cứu cũng như việc xác minh và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân cũng cần có những quy định rõ ràng, chứ không nên chung chung hoặc quá rắc rối, phức tạp như Dự thảo đã nêu.

Vì nạn nhân là phụ nữ nên hành vi mua bán phụ nữ thường gắn với các hành vi bạo lực giới như xâm hại tình dục dưới các hình thức khác nhau kể cả bắt trẻ em gái và phụ nữ làm mại dâm. Cũng cần phân tích các thủ đoạn cưỡng bức, bắt cóc, lừa đảo, dụ dỗ dưới nhiều hình thức khác nhau mà các đối tượng gồm cả nam và nữ sử dụng để mua bán phụ nữ và trẻ em gái. Từ phân tích các thủ đoạn như vậy có thể xác định những vấn đề giới để dự phòng ví dụ cần tuyên truyền, giáo dục giới tính và giới.

Vì nạn nhân là phụ nữ nên cần có những quy định rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của các tổ chức phụ nữ trong phòng, chống mua bán phụ nữ nói riêng và mua bán người nói chung. Dự thảo luật dường như quên mất vai trò của tổ chức hội phụ nữ các cấp, nhất là ở cơ sở. Cũng cần phải có quy định về vai trò và trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng bởi vì phụ nữ thường tham gia các tổ chức quần chúng ở địa phương.

4. Một số vấn đề giới cần lồng ghép trong xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người

Trước hết cần lồng ghép vấn đề giới ngay trong phạm vi điều chỉnh của luật: trên thực tế, phần lớn các vụ mua bán người là mua bán phụ nữ vậy phải coi “mua bán phụ nữ” là một trong phạm vi chủ yếu cần phải điều chỉnh bởi luật phòng, chống mua bán người.

Thứ hai, cần lồng ghép vấn đề giới trong điều giải thích các từ ngữ: cụ thể là cần phải giải thích khái niệm mua bán người trong đó nhấn mạnh “mua bán phụ nữ”. Cần giải thích khái niệm “nạn nhân” trong đó nhấn mạnh khái niệm “nạn nhân phụ nữ”.

Thứ ba, cần lồng ghép vấn đề giới trong điều quy định về các nguyên tắc phòng chống mua bán người: cụ thể phải coi bình đẳng giới là một nguyên tắc trong số các nguyên tắc phòng, chống mua bán người.

Thứ tư, cần lồng ghép chính sách về bình đẳng giới, chính sách về phụ nữ trong điều quy định về chính sách của nhà nước.

Thứ năm, cần lồng ghép quyền và nghĩa vụ của nạn nhân nữ trong điều quy định về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân.

Đặc biệt, thứ sáu, cần lồng ghép các vấn đề giới trong điều quy định các hành vi nghiêm cấm.

Thứ bảy, cần lồng ghép các vấn đề giới trong từng biện pháp phòng chống mua bán người, ví dụ lồng ghép vấn đề giới trong biện pháp tuyên truyền giáo dục về luật bình đẳng giới, xác định đối tượng cần tuyên truyền là phụ nữ.

Thứ tám là phải có quy định về vị trí, vai trò và trách nhiệm của tổ chức Hội Phụ nữ trong phòng chống mua bán người. Dự thảo luật không có một

điều quy định nào về vấn đề này.

Thứ chín là luật cần có những quy định về biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới với nghĩa là quy định những biện pháp cấp bách tạm thời để đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản của phụ nữ và trẻ em gái bị mua bán hay bị bạo lực giới liên quan tới mua bán người bất kể tình trạng được xác minh hay không được xác minh là nạn nhân mua bán người.

Việc xây dựng luật cần tính đến những thủ tục xác minh, giải quyết vấn đề liên quan đến nạn nhân bị mua, bán người. Dự thảo luật quy định cách thức xác minh nạn nhân quá phức tạp, có thể gây khó khăn cho phòng, chống mua bán phụ nữ. Cần tinh giản các quy định này để không gây phiền hà, rất có thể luật quá đề phòng việc có người lợi dụng kẽ hở của luật để trở thành nạn nhân trực lợi! Nếu đúng thế thì nên từ bỏ cách làm luật dựa vào các giả định như vậy trong khi có đầy đủ các bằng chứng về tình trạng phổ biến của mua bán phụ nữ và mua bán trẻ em và phụ nữ, trẻ em bị mua bán đều đang rất cần được hỗ trợ. Nếu cần thì phải đề phòng những quy định gây phiền hà về thủ tục, tốn kém về công sức và nhất là gây mất quá nhiều thời gian để xác minh nạn nhân, hay những quy định quá phiền hà, tốn kém về cả vật chất lẫn tinh thần để nạn nhân phụ nữ, nạn nhân trẻ em được bảo vệ hay hỗ trợ. Những phiền hà này thường dẫn đến hậu quả là không những không hỗ trợ mà còn làm tổn thương thêm cho phụ nữ hay trẻ em bị mua bán, như cách nói cửa miệng của người dân “được vạ thì má sung”. Cần thấy rằng các hành vi mua bán nạn nhân diễn ra nhanh chóng không thể chờ đợi thực hiện quá nhiều các thủ tục pháp lý rườm rà để ngăn chặn, xác minh hay cứu nạn nhân khỏi bị lạm dụng hay khỏi bị bạo lực.

Tóm lại, việc lồng ghép giới trong văn bản pháp luật đã được quy định trong Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 (Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2009). Do vậy cần nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật về bình đẳng giới, đồng thời cần phân tích thực tế diễn biến mua bán người ở Việt Nam trong thời gian qua và dự báo trong thời gian tới, phân tích kỹ hành vi mua bán phụ nữ trong nước và quốc tế để có thể phát hiện ra những vấn đề giới nhằm đưa ra những quy định xác đáng có hiệu lực phòng, chống mua bán phụ nữ

trong luật phòng chống mua bán người. Trong điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay, việc xây dựng luật phòng, chống mua bán người cần phải dựa vào những phân tích thực tiễn và định hướng tương lai để có thể tập trung hướng vào phòng, chống mua bán phụ nữ và mua bán trẻ em gái chứ không phải là phòng, chống mua bán người chung chung, xa rời thực tiễn. Đó chính là yêu cầu và nội dung cơ bản của việc lồng ghép giới trong xây dựng Luật Phòng, chống mua bán người đang thu hút sự quan tâm, chú ý của dư luận xã hội trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong pháp luật nói chung và Luật Phòng, chống mua bán người nói riêng là không đơn giản. Do vậy, có thể là cần phải có nhiều thời gian và nỗ lực hơn nữa để tiếp tục nâng cao hiểu biết một cách khoa học về các yêu cầu đang đặt ra từ thực tế vấn đề giới của tình trạng mua bán người cũng như các yêu cầu từ pháp luật về bình đẳng giới để có thể xây dựng được Luật Phòng, chống mua bán người với trọng tâm là phòng, chống mua bán phụ nữ và trẻ em. Việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng là điều kiện quan trọng và cần thiết để có thể lồng ghép giới trong quá trình thực hiện, sửa đổi, bổ sung pháp luật phòng, chống mua bán người nhằm thực sự góp phần thực hiện bình đẳng giới trên thực tế. ■

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tư pháp. 2010. *Dự thảo Luật Phòng, chống mua bán người*. Tháng 8 năm 2010.
- Bộ Tư pháp. 2010. *Tờ trình Chính phủ về dự án luật Phòng, chống mua bán người* do Bộ Tư pháp chuẩn bị tháng 7/2010
- Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2006. *Luật Bình đẳng giới*.
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2008. *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*
- Lê Ngọc Hùng. 2008. “Động thái quyền lực giới: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 5 (18). Tr. 36 - 46.
- Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội. 2009. *Lồng ghép giới với hoạt động của Quốc hội*. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. 2005. *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)*.